

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/ DS -ST

Ngày: 06/04/2023.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ***Ông Quách Mạnh Thành.***

Các hội thẩm nhân dân: ***Ông Nguyễn Việt Anh***

Bà Trần Thị Kim Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ***Ông Nguyễn Ngọc Quang*** - Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai: ***Bà Nguyễn Thị Hải Yến***- Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 94/2022/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXX - DS ngày 03 tháng 03 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐST - DS ngày 20 tháng 03 năm 2023 giữa các đ- ơng sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng A**

Trụ sở: Lầu 8,266-268 NKKN , phường 8 quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Tổng giám đốc

Đại diện ủy quyền: Công ty TNHH B

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T- Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh Hải(Theo giấy ủy quyền số 637/2022/GUQ-CNTD ngày 01 tháng 12 năm 2022

*** Bị đơn: - Ông Vũ Văn N- sinh năm: 1980**

HKTT và nơi cư trú: P 3338, HH3b khu Đô thị LĐ, phường HL, Hoàng Mai, Hà

Nội

(Có mặt, ông Nguyễn Thanh H- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt ông Vũ Văn N – bị đơn))

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngân hàng A nhánh LB (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng là ông Vũ Văn N ngày 16/12/2016, (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ và sử dụng thẻ của ngân hàng. Căn cứ vào thu nhập của ông Vũ Văn N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ với hạn mức là 30.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Ông Vũ Văn N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 29.700.000 đồng, phí trễ hạn là: 1.510.502 đồng, phát sinh tiền lãi là 21.450.582 đồng, phí thường niên và phí VHM là: 399.000đồng.

Trong qua trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông Vũ Văn N đã thanh toán tiền cho Ngân hàng số tiền: 17.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Vũ Văn N vẫn không có thiện trí trả nợ. Ông Vũ Văn N vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng), ngày 31/3/2018 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn(điều 23 của bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 22/7/2019 ông Vũ Văn N còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 22.285.721 đồng

- Lãi quá hạn: 13.774.363 đồng

- Tổng cộng: 36.060.084 đồng(*Ba mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng*)

Mặc dù ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Vũ Văn N yêu cầu ông Vũ Văn N có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Vũ Văn N trả nợ, tuy nhiên ông Vũ Văn N vẫn chưa thanh toán khoản vay quá hạn cho Ngân hàng. Ông Vũ Văn N vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký.

**Yêu cầu của nguyên đơn:*

1. Buộc ông Vũ Văn N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/07/2019 là 36.060.084 đồng(*Ba mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng*). Trong đó nợ gốc; 22.285.721 đồng, lãi quá hạn 13.774.363 đồng

2. Ông Vũ Văn N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 22/07/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

3. Buộc ông Vũ Văn N phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ án phí, phí thi hành án, chi phí phát sinh liên quan.

* *Tại phiên tòa ngày hôm nay*, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu ông Vũ Văn N phải thanh toán tiền tính đến ngày 06/04/2023 số tiền là: 68.497.862 đồng. Trong đó nợ gốc: 22.285.721 đồng, lãi quá hạn: 46.212.141 đồng

*** Bị đơn là Ông Vũ Văn N.** Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4, khoản 5 điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ông Vũ Văn N đã nhận trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhưng ông N không lên tòa để thực hiện quyền và

nghĩa vụ của mình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, tại hồ sơ không có bản tự khai của ông N, ông N vắng mặt trong tất cả các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông N đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi không tham gia tố tụng tại tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa, nhưng ông Vũ Văn N vẫn vắng mặt, do vậy căn cứ điều 277, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng đ-ợc quy định tại điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do ngân hàng đòi cá nhân tiền vay bằng hợp đồng cấp thẻ tín dụng, nên đây là vụ án tranh chấp tín dụng thuộc vụ án dân sự.

Bị đơn là ông Vũ Văn N hiện có nơi cư trú tại P 3338, HH3b khu Đô thị LĐ, phường HL, Hoàng Mai, Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Tòa án đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo điều 68 BLTTDS 2015.

- Việc thu thập tài liệu chứng cứ theo đúng quy định tại điều 95-97 BLTTDS 2015.
- Việc tổ chức phiên hòa giải và công khai chứng cứ đúng theo điều 208- 210 BLDS 2015.
- Việc chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.
- Việc thẩm phán tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại điều 41 bộ luật tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng trình tự xét xử quy định từ điều 217 đến điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại điều 70, điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự , bị đơn

đã không chấp hành đúng các quy định tại điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai nhận định về nội dung, hình thức hợp đồng tín dụng. Ông N vay tiền để chi tiêu cá nhân nên không xác định những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc anh Vũ Văn N có trách nhiệm thanh toán trả cho toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi chậm trả như Ngân hàng A yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng A với ông Vũ Văn N, là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Vũ Văn N có nơi cư trú P 3338, HH3b khu Đô thị LĐ, phường HL, Hoàng Mai, Hà Nội. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

1.3. Về chủ thể khởi kiện: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Ông Vũ Văn N không thanh toán được tiền thẻ vay cho Ngân hàng A sau khi đến hạn trả

1.4. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Vũ Văn N vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa

ông N nhận văn bản tố tụng của Tòa nhưng không đến tòa làm việc. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa, nhưng ông Vũ Văn N vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông N là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Xét tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng A được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và được Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0301103908, đăng ký lần đầu ngày 13/01/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 09/02/2021; Ngân hàng A và ông Vũ Văn N xác lập quan hệ tín dụng thông qua giấy đề nghị cấp thẻ ngày 16.02.2016.

Về chủ thể tham gia ký kết tín dụng thông qua giấy đề nghị cấp thẻ ngày 16.02.2016 là người đại diện theo pháp luật của Ngân Hàng A - chi nhánh LB và ông Vũ Văn N.

Xét hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của Pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức, nội dung phù hợp quy định của Pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

2.2 . Về quá trình thực hiện hợp đồng

Ngày 16/02/2016, Ông N có ký với Ngân A - Chi nhánh LB (sau đây gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng Visa Credit Classic số thẻ 472074-6432 với hạn mức là 30.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ ông Vũ Văn N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.700.000đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 17.000.000 đồng

Thời điểm vi phạm là ngày 31/3/2018, ngân hàng qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện trí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông N. Và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Thời điểm ngân hàng xác định ông N thuộc nhóm nợ xấu là ngày 31/03/2018.

Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở ông N không có thiện trí trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo quy định tại điều 22, điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ của Ngân Hàng A có hiệu lực từ ngày 15/08/2016 và phụ lục phát hành thẻ đi kèm không tách rời với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà ông Vũ Văn N đã ký kết với ngân hàng.

Hiện thẻ tính dụng với thông tin trên đã quá hạn. Dư nợ đến ngày 06/04/2023 của ông N là 68.497.862 đồng(bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, bốn trăm chín bảy nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc; 22.285.721 đồng, lãi quá hạn 46.212.141 đồng.

2.3. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Văn N phải trả tiền gốc là 22.285.721 VNĐ

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ ngày 16/02/2016, Ngân hàng A- Chi nhánh LB (sau đây gọi tắt là ngân hàng) có phát hành thẻ tín dụng thẻ tín dụng Visa Credit Classic số thẻ 472074-6432 với hạn mức là 30.000.000 đồng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân . Hiện thẻ tính dụng với thông tin trên đã quá hạn tính đến ngày 06/04/2023 của ông Nam là 22.285.721 đồng(bằng chữ: Hai mươi hai triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng)

Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ vào bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng A Có hiệu lực từ ngày 15/08/2016 và phụ lục phát hành thẻ tín dụng không tách rời với hợp đồng thẻ tín dụng mà ông Vũ Văn N ký với Ngân hàng A

Căn cứ vào các điều 22 của bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng A cách tính lãi phát sinh trên thẻ.

Căn cứ vào điều 23 của bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ

tín dụng của cá nhân ngân hàng A về vi phạm

Căn cứ điều 24 của bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng A về các loại phí

Ngày 31/3/2018 ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với ông N. Và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Thời điểm ngân hàng xác định ông N thuộc nhóm nợ xấu.

Căn cứ vào các văn bản tính lãi, số tiền thanh toán tối thiểu phí vượt hạn mức, phí của Ngân hàng A đã nộp cho tòa án.

Do vậy hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đòi tiền nợ gốc đối với ông Vũ Văn N. Với số tiền là 22.285.721 đồng(bằng chữ: *Hai mươi hai triệu, hai trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi một đồng*)

[2.4]Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tính lãi quá hạn của ông Vũ Văn N tiền lãi quá hạn đến hết ngày 06/04/2023 là 45.373.646 đ(bốn mươi năm triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng)

- Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng và bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng A

Tại điều 23 của bản điều khoản, bản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của cá nhân ngân hàng A Cách tính lãi : lãi suất cho vay mà ngân hàng A áp dụng đối với các khoản vay qua phát thẻ, bao gồm lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí lãi suất do ngân hàng A công bố qua các thời kỳ. lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Ngân hàng A đã xuất trình toàn bộ bản tính lãi qua các thời kỳ tính từ 31/3/2018 đến nay .

Do vậy, ông Vũ Văn N phải thanh toán cho Ngân hàng với số tiền lãi từ ngày 31/03/2018 đến hết ngày 06/04/2023 là 46.212.141 đ (Bốn mươi sáu triệu, hai trăm mười hai nghìn, một trăm bốn mươi một đồng) là có cơ sở được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận, vì vậy Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng; Bị đơn là ông Vũ Văn N phải chịu án dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; Điều 217, điều 218 điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ : Điều 335, Điều 429 , Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ : Điều 397; Điều 398; Điều 399; Điều 400; Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Vũ Văn N

2. Buộc ông Vũ Văn N phải thanh toán trả cho Ngân hàng A số tiền là 68.497.862 đồng(bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng) . Trong đó nợ gốc; 22.285.721 đồng, lãi quá hạn 46.212.141 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm hợp ông Vũ Văn N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Vũ Văn N phải chịu 3.424.893 đồng(Ba triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ch- a nộp).

- Hoàn trả : Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0050782 ngày 25/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là Ngân hàng A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn là ông Vũ Văn N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ này niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách mạnh Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ